

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17-5-2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tuấn Đạt

2. Ông Lê Đình Khôi.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số X, Tổ Y, Ấp N1, xã PX, huyện TP, Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Trần Lý Ngọc P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số X, Tổ Y, Ấp N1, xã PX, huyện TP, Đồng Nai.

(Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà P triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2022, lời khai trong quá trình tố tụng ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Lý Ngọc P hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp theo luật định vào ngày 23/02/2001. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do đó, vợ chồng thường hay cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ

năm 2018 đến nay, ông và bà P không sống chung; vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Nhận thấy tình cảm không còn nên Ông H yêu cầu được ly hôn với bà P.

- Về nuôi con chung: Ông và bà P có 02 con chung là Nguyễn Lý Bảo Đ, sinh ngày 22/07/2000 và Nguyễn Lý Đại T, sinh ngày 19/01/2008. Từ năm 2018, cháu Tài sinh sống cùng với Ông H. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đại T, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đ đã thành niên và đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông trình bày ông và bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Ông H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân của nguyên đơn, bị đơn (bản sao); Xác nhận thông tin về cư trú; giấy khai sinh của 02 con chung (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Bản tự khai của nguyên đơn; đơn yêu cầu vắng mặt.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại địa phương của các đương sự; Đơn thể hiện nguyện vọng của cháu Tài. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho ông H được ly hôn bà P.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Lý Đại T, sinh ngày 19/01/2008 cho ông H nuôi dưỡng, do ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà P. Đối với cháu Nguyễn Lý Bảo Đ, sinh ngày 22/07/2000 đã thành niên và đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

+ Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bà P có nơi cư trú tại: Ấp N1, xã PX, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Ông H yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 10/01/2022, ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà P. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông H là nguyên đơn, bà P là bị đơn trong vụ án.

[1.3] Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Trần Lý Ngọc P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông H và bà P được xác lập vào năm 2001. Được Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20/TP-HT, quyền số:01/2001 ngày 23/02/2001 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét lời khai của ông H và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng ông H, bà P sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 07/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi nhau và không cùng nhau chăm lo cho gia đình.

Tại các biên bản xác minh ngày 03/3/2022 thể hiện cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và không còn chung sống với nhau từ tháng 07/2018 cho đến nay. Bản thân bà P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà vẫn không đến Tòa án để tham gia hòa giải, thể hiện bà không muốn vợ chồng cùng hàn gắn tình cảm về chung sống đoàn tụ với nhau.

Như vậy, có căn cứ xác định ông H, bà P đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để ông bà sớm có điều kiện ổn định cuộc sống riêng của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, cho ông được ly hôn với bà P.

[2.2]. Về nuôi con chung: Ông H trình bày có 02 con chung là Nguyễn Lý Bảo Đ, sinh ngày 22/07/2000 và Nguyễn Lý Đại T, sinh ngày 19/01/2008. Cháu Tài hiện do ông H đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các bên đều có quyền được nuôi con. Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà P không có mặt tại Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của bà đối với yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Do con chung còn nhỏ và đang được ông H nuôi dưỡng chăm sóc ổn định. Đồng thời ông H làm nghề buôn bán có thu nhập, có nơi ở nên đủ điều kiện nuôi

con. Hội đồng xét xử nhận thấy cần giữ nguyên nếp sống sinh hoạt hiện nay nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như tâm lý cho trẻ và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên giao con chung Đại T cho ông H nuôi dưỡng là có cơ sở, quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đối với Bảo Đ đã thành niên và đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ông H không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên tạm thời miễn cho bà P nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà P về yêu cầu này vì vậy khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Ông H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc H được ly hôn bà Trần Lý Ngọc P.

- Về nuôi con chung: Ông H và bà P có 02 con chung là Nguyễn Lý Bảo Đ, sinh ngày 22/07/2000 và Nguyễn Lý Đại T, sinh ngày 19/01/2008.

Giao con chung là Nguyễn Lý Đại T cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối với cháu Nguyễn Lý Bảo Đ đã thành niên và đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Tạm thời miễn cho bà P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông H không yêu cầu. Bà P có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

2. Về án phí: Ông H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002263 ngày 19/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí. Ông H đã nộp đủ án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Lý Ngọc P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã ah, huyện ct, tỉnh Đồng Tháp (Số 20/TP-HT, quyền số:01/2001, ngày 23/02/2001) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan

